

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Bích P**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ x, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ y, phường Hòa M, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bích P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Văn T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa M, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T cờ bạc, lơ đãng, lâm vào cảnh nợ nần. Mặc dù tôi đã khuyên bảo nhiều

lần để bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn chứng nào tật đó, không thay đổi, làm ảnh hưởng cuộc sống của con chung. Hiện nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Tôi xác định trong thời kỳ hôn nhân tôi và ông T có 01 con chung Phạm Nhật M, sinh ngày 21.3.2012. Ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn T không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Bích P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn T không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích P đối với ông Phạm Văn T.

+ Về con chung: giao 01 con chung tên Phạm Nhật M, sinh ngày 21/3/2012 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

+ Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Phạm Văn T, nhưng tại phiên tòa ông T vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Bích P và ông Phạm Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 28.01.2011, vào sổ số 12, quyển số 03 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa M, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, đến năm 2013 giữa bà P và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà P là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, ông T bài bạc, nợ nần, bà P đã động viên ông T thay đổi nhưng không được, bà nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy trong 2-3 năm nay vợ chồng ông T bà P không còn sống chung với nhau nữa, bà P không sống tại địa phương, còn ông T thì đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Như vậy xác định hiện nay ông T và bà P không còn sống chung là đúng, ngoài ra quá trình giải quyết vụ án việc ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông T không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà P đối với ông T, xử cho bà P được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà P và ông T có 01 con chung Phạm Nhật M. Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Xét, hiện nay con chung Phạm Nhật M, sinh ngày 21.3.2012 đang sinh sống ổn định cùng mẹ là bà P, cháu Phạm Nhật M có nguyện vọng ở với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án ông T không thể hiện ý kiến mong muốn nuôi con, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu M cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà P là phù hợp nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P xác định bà và ông T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Bích P đối với ông Phạm Văn T về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Bích P được ly hôn với Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Nhật M, sinh ngày 21/3/2012 cho bà Trần Thị Bích P được trực tiếp chăm sóc nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị Bích P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0005918 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trở lời hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Hòa M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng